

Số: 18/2020/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP LẦN THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 10931/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

b) Đối tượng áp dụng

Các di tích được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) trên địa bàn 9 huyện, thị xã và thành phố Huế.

Các cơ quan, tổ chức, địa phương được giao trực tiếp quản lý, phối hợp quản lý di tích (Danh mục 123 di tích và phân cấp quản lý di tích năm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế - Phụ lục I đính kèm).

2. Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả, tính chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và huy động các nguồn lực, đẩy mạnh công tác xã hội hóa tham gia vào công tác chống xuống cấp di tích (nằm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế).

Xây dựng kế hoạch chi tiết và phân kỳ đầu tư tu bổ, tôn tạo, bảo quản di tích đã được xếp hạng (nằm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) theo thứ tự ưu tiên, tính cấp thiết trên cơ sở hiện trạng xuống cấp của di tích, trong đó:

Giai đoạn 2021 - 2025, tiến hành bảo quản, tu bổ, phục hồi cho khoảng 66 di tích: 5 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 28 di tích cấp quốc gia, 33 di tích cấp tỉnh; hoàn thành công tác cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích;

Giai đoạn 2026 - 2030, tiến hành bảo quản, tu bổ, phục hồi cho khoảng 57 di tích: 26 di tích cấp quốc gia, 31 di tích cấp tỉnh.

3. Nguyên tắc bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Các đơn vị, địa phương được giao trực tiếp quản lý di tích phải chủ động cân đối để bố trí kinh phí hỗ trợ hằng năm cho công tác bảo quản định kỳ, tu bổ, phục hồi di tích; kiểm kê, số hóa và bảo quản hiện vật thuộc di tích. Tổ chức huy động kinh phí tu bổ, tôn tạo các di tích do cộng đồng dân cư, dòng họ quản lý, sử dụng hoặc di tích phục vụ đời sống tâm linh.

b) Hỗ trợ cho công tác chuẩn bị đầu tư, tư vấn lập dự án tu bổ, tôn tạo di tích và ưu tiên đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích gắn với cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh; di tích lịch sử cách mạng quan trọng; di tích kiến trúc nghệ thuật có giá trị đặc biệt, nổi bật; di tích khảo cổ; các di tích có tiềm năng phát huy giá trị, khai thác phát triển du lịch nhưng bị xuống cấp nghiêm trọng.

c) Xem xét đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thông qua Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa và nguồn khác hàng năm để thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (nằm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) đối với các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia.

d) Xem xét bố trí nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các địa phương tập trung nhiều di tích bị xuống cấp; các địa phương có điều kiện kinh tế còn khó khăn; các địa phương có các dự án tu bổ, tôn tạo di tích có quy mô đầu tư lớn nhưng không có khả năng huy động nguồn vốn theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện thực tiễn đối ứng, khả năng huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước hợp pháp của địa phương và nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương trên tổng mức đầu tư của dự án.

đ) Đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải tập trung, không bố trí kinh phí phân tán, dàn trải cho tất cả các di tích. Trong đó, sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp để hỗ trợ thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích dưới 1 tỷ đồng (sau khi đã cân đối trừ nguồn Trung ương hỗ trợ và nguồn huy động ngoài ngân sách nhà nước); sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn để hỗ trợ thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích từ 1 tỷ đồng trở lên (sau khi đã cân đối trừ nguồn Trung ương hỗ trợ và nguồn huy động ngoài ngân sách nhà nước).

e) Ưu tiên xem xét bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước (nguồn ngân sách của Trung ương, ngân sách tỉnh) và áp dụng các chính sách hỗ trợ để thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã đảm bảo có nguồn vốn đối ứng của địa phương và nguồn huy động ngoài ngân sách nhà nước.

4. Chính sách hỗ trợ

a) Nhóm các di tích gắn liền với Chủ tịch Hồ Chí Minh; di tích lịch sử cách mạng, lịch sử lưu niệm sự kiện (hoặc loại hình khác nhưng gắn liền với quá trình đấu tranh cách mạng trên địa bàn tỉnh); di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia và có giá trị khảo cổ tiêu biểu; di tích lịch sử lưu niệm (danh nhân) cấp quốc gia và gặp khó khăn trong việc huy động xã hội hóa; di tích khảo cổ; Làng cổ Phước Tích: Hỗ trợ 100% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với các di tích.

b) Nhóm các di tích thuộc quyền sở hữu tài sản của cộng đồng dân cư; di tích có tính chất tâm linh (di tích lịch sử ngành nghề truyền thống; di tích lịch sử, lịch sử văn hóa, di tích kiến trúc nghệ thuật là đình, chùa, đền, miếu, phủ thờ; di tích lịch sử lưu niệm (danh nhân) cấp tỉnh) và gặp khó khăn trong việc huy động xã hội hóa, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo tổng mức đầu tư như sau:

Tổng mức đầu tư dưới 2 tỷ đồng: Hỗ trợ 50%.

Tổng mức đầu tư từ 2 tỷ đến 5 tỷ: Hỗ trợ 70%.

Tổng mức đầu tư trên 5 tỷ đồng: Hỗ trợ 80%.

c) Nhóm các di tích thuộc quyền sở hữu tài sản của cá nhân, gia đình, dòng tộc (tù đường, nhà thờ họ) và không thuộc nhóm đối tượng di tích nêu tại mục a, mục b, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo tổng mức đầu tư như sau:

Tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng: Huy động 100% xã hội hóa.

Tổng mức đầu tư từ 01 tỷ đến 5 tỷ: Hỗ trợ 30%.

Tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đến 10 tỷ đồng: Hỗ trợ 50%.

Tổng mức đầu tư trên 10 tỷ đồng: Hỗ trợ 70%.

d) Hỗ trợ nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo mức dự toán kinh phí sau khi đã cân đối trừ nguồn hỗ trợ của Trung ương và nguồn huy động ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) như sau:

Hỗ trợ 100% kinh phí còn lại từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh để thực hiện các dự án chống xuống cấp di tích tại 2 địa phương miền núi, khó khăn là huyện A Lưới và huyện Nam Đông;

Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích với mức dự toán kinh phí từ 200 triệu đồng trở xuống do ngân sách cấp huyện chủ động đảm bảo; dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích với mức dự toán kinh phí trên 200 triệu đồng do ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

5. Kinh phí thực hiện

Hàng năm, huy động và cân đối bố trí nguồn lực từ ngân sách để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ đầu tư, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện.

Kế hoạch thực hiện cụ thể của từng dự án thực hiện theo Đề án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (nằm ngoài Quần thể di tích cố đô Huế) đến năm 2030 kèm theo Tờ trình số 10931/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Danh mục tu bổ, tôn tạo và bảo quản 123 di tích (nằm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) theo thứ tự ưu tiên - Phụ lục II đính kèm;

Danh mục bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (nằm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) sử dụng nguồn vốn đầu tư công - Phụ lục III đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có những nội dung phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Khoá VII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu QH;
- Các Bộ: Tài chính, VHTTDL;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP.Huế;
- Công báo tỉnh;
- VP : LĐ và các CV ;
- Lưu VT, VX.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu